

Bản án số: 215/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/02/2022.

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2/ Ông Huỳnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 689/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trương T T T, sinh năm 1998. (có mặt)

Thường trú: Hẻm 109 đường LMN, tổ 1C, ấp C, xã TTH, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Nguyễn M T, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Thường trú: số 68 LTS, ấp T, xã TTH, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương T T T trình bày:

Bà và ông Nguyễn M T tìm hiểu nhau thời gian khoảng 05 năm thì tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2018, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thông Hội, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại nhà chồng ở số 68 LTS, ấp T, xã TTH, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh, chung sống hạnh phúc được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất cách nay gần 01 năm, nguyên nhân do ông T không đi làm, ham chơi và có đánh bà, bà và ông T không sống chung nhau gần 01 năm nay. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn M T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 01/5/2019. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Bà yêu cầu ông T

cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu Lực pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu, khai sinh con (sao y).

Theo nội dung trình bày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn M T trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống đúng như những gì bà T vừa trình bày. Có lần nóng giận ông có đánh vợ, lúc trước cũng ít quan tâm vợ, nay ông đã sửa đổi, mong được hàn gắn, đoàn tụ lại với vợ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 01/5/2019. Nếu hai vợ chồng ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu Lực pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã TTH, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T đã làm bản tường trình nêu rõ nội dung, ý kiến của mình về việc ly hôn và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà các bên đã cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Trương T T T và ông Nguyễn M T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 209, ngày 06/12/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông T là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do ông T không đi làm, ham chơi và vũ phu và hiện nay mạnh ai người nấy sống. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 01/5/2019. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trường hợp hai vợ chồng ly hôn, ông T đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: Bà Trương T T T và ông Nguyễn M T cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trương T T T và ông Nguyễn M T cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn; ông T phải nộp án phí dân sự về việc cấp dưỡng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương T T T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương T T T được ly hôn với ông Nguyễn M T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 209, ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 01/5/2019. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trương T T T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0043279 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn M T phải chịu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA